

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT ĐẮKLẮK
CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ
BẢO VỆ THỰC VẬT

Số: /BCT - BVTV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày tháng 08 năm 2022

BÁO CÁO TÌNH HÌNH
SINH VẬT GÂY HẠI CÂY TRỒNG THÁNG 08
(Từ ngày 16 tháng 07 đến ngày 15 tháng 08 năm 2022)

Kính gửi : - Cục Bảo vệ thực vật
- Trung Tâm Bảo vệ thực vật Miền Trung

1. Thời tiết trong tỉnh:

- Nhiệt độ: Thấp nhất: 22 - 24⁰C; Cao nhất: 30-33⁰C.
- Độ ẩm trung bình từ: 75 - 80 %.
- Nhận xét khác: Có mây, ngày nắng, chiều tối và tối có mưa rào rải rác và có nơi có dông, đêm có mưa rào và dông vài nơi. Gió tây nam cấp 2. Cần đề phòng lốc, sét, mưa đá và gió giật mạnh trong cơn dông.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

2.1. Tiến độ gieo trồng vụ Hè Thu 2022

Cây trồng hàng năm	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích (ha)
Lúa nước	đẻ nhánh- làm đòng- trổ sớm	66.498/60.000
Ngô	phát triển thân lá- trổ cờ	51.515 /52.370
Khoai lang	PTTL	3.074/2.310
Đậu các loại	quả non- Thu hoạch	10.213/11.000
Đậu xanh	quả non- Thu hoạch	6.012 /5.900
Đậu nành	quả non- Thu hoạch	1.512/1.500
Đậu lạc	quả non- Thu hoạch	2.565/2.500
Rau các loại	Các giai đoạn	4.514/4.820
Sắn	Phát triển thân lá, hình thành củ	39.007/40.500
Mía	Đẻ nhánh- Vươn lóng	9.964/14.000
Cây hàng năm khác	Các giai đoạn	8.966/9.000
Cây trồng lâu năm		
Cây cà phê	Quả xanh	213.336
Cây tiêu	Chăm sóc - Ra đợt non	32.840
Cây cao su	Các giai đoạn sinh trưởng	34.333
Cây điều	Giai đoạn chăm sóc	27.702
Ca cao	Các giai đoạn sinh trưởng	1.140
Cây ăn quả các loại	Các giai đoạn sinh trưởng	42.957
Cây trồng khác	Các giai đoạn sinh trưởng	2.141

Theo báo cáo của Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, Phòng Kinh tế thị xã, thành phố đến nay vụ Hè thu năm 2022 gieo trồng với tổng diện tích 204.749 ha/203.900 ha, đạt 100,42% kế hoạch. Trong đó, lúa 66.498 ha/60.000 ha, đạt 110,83% kế hoạch (lúa nước 66.127 ha, lúa cạn 371 ha); ngô 51.515 ha/52.370 ha, đạt 98,37% kế hoạch; khoai lang 3.074 ha/2.310 ha, đạt 133,07% kế hoạch; sắn 39.007 ha/40.500 ha, đạt 96,31% kế hoạch; đậu xanh 6.012 ha/5.900 ha, đạt 101,90% kế hoạch; đậu nành 1.512 ha/1.500 ha, đạt 100,80% kế hoạch; đậu lạc 2.565 ha/2.500 ha, đạt 102,60 % kế hoạch; đậu các loại 10.771 ha/ 11.000 ha, đạt 97,92% kế hoạch; rau xanh 4.865 ha/ 4.820 ha, đạt 100,93 % kế hoạch; mía 9.964 ha/14.000 ha, đạt 71,17% kế hoạch; cây hàng năm khác 8.966 ha/9.000 ha, đạt 99,62% kế hoạch (mè 1.648 ha, cỏ 3.131 ha, gừng, nghệ 2.287 ha, cây khác 1.900 ha).

II. TÌNH HÌNH SÂU BỆNH THÁNG 07 NĂM 2022:

*** Nhóm cây ăn quả:**

1. Trên cây sầu riêng: Rầy bông (rầy phấn, tua trắng) TLH 4-25%, DTN 37 ha (Ea Kar, Krông Búk, Krông Pắc); Sâu đục quả TLH 7-25% DTN 05ha (EaKar); Bệnh đốm rong (tảo) TLH 3-20% DTN 10 ha (Krông Pắc, TX Buôn Hồ); Bệnh thán thư TLH 3-19% DTN 09 ha (Krông Pắc, Tx. Buôn Hồ); Bệnh cháy lá, chết đột TLH 8-25% DTN 7,5ha (EaKar); Bệnh thối trái TLH 8-20% DTN 3,5ha (EaKar); Bệnh chảy gôm TLH 5-12% DTN 2,5ha (Kr. Năng). Một đục cành, bệnh héo chết nhanh do nấm *Phytophthora*,...gây hại rải rác.

2. Trên cây có múi (cam quýt): Sâu vẽ bùa TLH 20-25% DTN 10 ha (Ea Kar); Bệnh Greening TLH 10-30% DTN 05 ha (Ea Kar); Ruồi đục trái, sâu tiện vỏ, dòi đục lá, sâu đục thân, thán thư, bệnh vàng lá gân xanh gây hại rải rác.

3. Trên cây nhãn: Sâu đục quả TLH 10-20% DTN 2,5ha (Ea Kar). Một số sâu bệnh khác gây hại rải rác không đáng kể.

4. Trên cây Bơ: Bọ xít muỗi TLH 5-16% DTN 02 ha (Kr. Năng); Một số sâu bệnh khác gây hại rải rác không đáng kể.

5. Trên cây chanh leo: Bệnh đốm nâu TLH 6-25% DTN 9,8ha (EaKar, Tx. Buôn Hồ). Ruồi đục quả TLH 5-25% DTN 04ha (TX Buôn Hồ, EaKar).

*** Nhóm cây CN lâu năm:**

6. Trên cây ca cao: Bọ xít muỗi TLH 8-25% DTN 04 ha (Ea Kar); Bệnh cháy lá TLH 15-30% DTN 04 ha (Ea Kar); Một số sâu bệnh khác gây hại rải rác.

7. Trên cây cà phê: Bệnh gỉ sắt TLH 3-25% DTN 31,5ha (Krông Búk, Krông Pắc, Ea Kar, TX Buôn Hồ); Bệnh khô cành TLH 2-25% DTN 30 ha (Krông Búk, Ea Kar, TX Buôn Hồ, Krông Pắc, Krông Năng, Cư Kuin); Bệnh đốm mắt cua TLH 5-27% DTN 06 ha (Krông Pắc); Bệnh nấm hồng TLH 3-10% DTN 09ha (Tx. Buôn Hồ, Krông Búk). Rụng quả cà phê TLH 5-7% DTN 03ha (CưKuin); Rệp sáp TLH 3-15% DTN 36 ha (TX Buôn Hồ, Krông Búk, Lắk); Rệp vảy (xanh, nâu) TLH 4-25% DTN 16 ha (Tx. Buôn Hồ, Krông Pắc); Một đục cành TLH 3-5% DTN 5,5 ha (TX Buôn Hồ, CưKuin); Bọ cánh cứng ăn lá cà phê TLH 4-17% DTN 03ha (Krông Năng); Sâu đục thân mình

hồng TLH 8-25% DTN 14ha (EaKar) và Các loại sâu, bệnh hại khác gây hại không đáng kể.

7. Trên cây điều: Bệnh thán thư TLH 5-35%, DTN 18 ha (Krông Búk, Ea Kar); Bọ xít muỗi TLH 5-10%, DTN 09 ha (Krông Búk). Một số sâu bệnh khác gây hại rải rác không đáng kể.

8. Trên cây hồ tiêu: Bệnh vàng lá chết chậm TLH 2-35%, DTN 130,3 ha (Buôn Đôn, Cư M'gar, TX Buôn Hồ, Ea Kar, Krông Pắc, Krông Búk, Krông Năng) tăng 07ha so với kỳ trước; Bệnh chết nhanh TLH 1-13%, DTN 66,4 ha (Cư Kuin, Buôn Đôn, Tx.Buôn Hồ, Krông Pắc, Ea Kar) tăng 5,3ha so với kỳ trước; Bệnh đốm tảo TLH 5-22%, DTN 15 ha (Tx.Buôn Hồ, Krông Pắc, Krông Búk); Bệnh nấm hồng TLH 10-35% DTN 14ha (EaKar); Tuyến trùng TLH: 6-15%, DTN 10 ha (TX Buôn Hồ, CưKuin); Bệnh khảm lá virus TLH 3-5% DTN 03ha (CưKuin); Bọ xít lười TLH 5-25% DTN 42ha (Ea Kar, Cư Kuin, Krông Năng, Krông Búk, Krông Pắc); Một số sâu, bệnh khác gây hại rải rác.

9. Trên cây cao su: Bệnh đốm mắt chim TLH 5-15% DTN 1.5ha (Krông Năng)

*** Nhóm cây CN ngăn ngày:**

10. Trên cây sắn (mì): Khảm lá do virus gây hại TLH 5-90%, DTN 68 ha (Ea Súp, EaKar, Krông Bông, TP. BMT) tăng 15ha so với kỳ trước; Đốm nâu TLH 7-25% DTN 07ha (EaKar). Một số sâu, bệnh khác gây hại rải rác.

11. Trên cây mía: Sâu đục thân TLH 7-20% DTN 16 ha (Ea Kar) tăng 16ha so với kỳ trước; Bệnh phân trắng TLH 7-20% DTN 07ha (EaKar). Một số sâu, bệnh khác gây hại rải rác.

*** Nhóm cây lương thực:**

12. Trên cây ngô: Sâu keo mùa thu TLH 2-35% DTN 14,5ha (Ea Kar, Krông Búk, EaSup, Krông Bông). Đốm lá nhỏ TLH 1-3% DTN 3,5ha (TX. Buôn Hồ) và Các loại sâu, bệnh khác gây hại rải rác.

13. Trên cây lúa:

* Sâu cuốn lá nhỏ TLH 3-28% DTN 21ha (Ea Kar, Krông Pắc, TX Buôn Hồ, Krông Bông); Bọ trĩ TLH 5-25% DTN 10ha (Krông Bông, EaKar, TX. Buôn Hồ); Sâu đục thân TLH 8-25% DTN 18ha (EaKar); Chuột hại TLH 8-20% DTN 08ha (EaKar);

Bệnh đạo ôn lá TLH 5-25% DTN 20ha (Ea Kar, Krông Pắc, Lắc, Krông Bông); Bệnh khô vằn TLH 5-25% DTN 15,5ha (EaKar, Lắc); Bệnh vàng lá, thối rễ TLH 8-25% DTN 13ha (EaKar); Bệnh bạc lá TLH 5-30% DTN 10,3ha (EaSup, Lắc); Bệnh Vàng lá chín sớm TLH 4-13% DTN 06ha (Krông Pắc); Bệnh vàng lá do vi khuẩn TLH 8-20% DTN 05ha (EaKar); Ngộ độc phèn TLH 5-10% DTN 0.6ha (Krông Bông) và Các loại sâu, bệnh khác gây hại không đáng kể.

*** Nhóm cây rau màu:**

14. Hành tỏi: Bệnh cháy lá TLH 8-20% DTN 2,8 ha (EaKar); Bệnh thối nhũn TLH 10-25% DTN 2,3ha (EaKar); Bệnh đốm vòng TLH 8-25% DTN 03ha (EaKar) và Một số sâu, bệnh khác gây hại rải rác.

13. Ớt: Bệnh thán thư TLH 10-25% DTN 3.5 ha (Ea Kar); Bệnh khảm lá do virus TLH: 8-20% DTN 2,4ha (EaKar). Một số sâu, bệnh khác gây hại rải rác.

14. Rau thập tự: Bọ nhảy TLH 10-15% DTN 02ha (CuKuin); Bệnh héo vàng TLH 7-10 DTN 01ha (CuKuin); Bệnh héo xanh TLH 5-7% DTN 01 ha (CuKuin); Dòi đục lá TLH 8-20% DTN 04 ha (EaKar). Một số sâu, bệnh khác gây hại rải rác.

III. DỰ BÁO TÌNH HÌNH SÂU BỆNH THÁNG 08 NĂM 2022:

1. Trên cây lúa: Các đối tượng sinh vật gây hại chính tiếp tục gây hại trên lúa vụ Hè Thu, trong đó có:

- Sâu cuốn lá nhỏ, Sâu đục thân, đạo ôn lá, đạo ôn cổ bông.... gây hại rải rác trên lúa giai đoạn làm đòng- trổ sớm.

- Bọ trĩ, chuột.... gây hại trên lúa giai đoạn đẻ nhánh – làm đòng. Ngoài ra còn có các đối tượng khác như tuyến trùng, bệnh đốm nâu nghệt rễ, bệnh vàng lá, bạc lá... gây hại cục bộ.

2. Trên cây cà phê: Rệp sáp hại cành, rệp vảy nâu, vảy xanh, mọt đục cành Bệnh gỉ sắt, bệnh khô cành, khô quả gây hại rải rác trên cây cà phê giai đoạn quả xanh – chín bói.

3. Trên cây tiêu: Bệnh chết nhanh, chết chậm, tuyến trùng rễ, rệp sáp gốc, cành...gây hại giai đoạn ra hoa- nuôi quả.

4. Trên rau các loại: Cần chú ý các đối tượng sâu tơ, sâu xanh, bọ nhảy....gây hại nhiều giai đoạn trên cây rau màu. Ruồi đục quả, bệnh mốc sương, đốm lá chủ yếu trên cây cà chua và họ bầu bí.

5. Trên ngô, đậu: Sâu keo mùa Thu, sâu đục thân, đục quả bắp, bệnh đốm lá, bệnh khô vằn... gây hại trên ngô giai đoạn trổ cờ - thâm râu - tạo quả. Sâu ăn lá, sâu xanh, sâu khoang, bệnh rỉ sắt, bệnh lở cổ rễ, thối rễ, sâu đục thân, gây hại rải rác.

6. Trên cây sắn: Bệnh khảm lá virus tiếp tục gây hại, bọ phấn, rệp sáp bột hồng, nhện đỏ gây hại cục bộ, bệnh chổi rồng, bệnh đốm lá, cháy lá vi khuẩn...gây hại rải rác trên cây sắn giai đoạn phát triển thân lá.

7. Trên cây điều: Bọ xít muỗi, bệnh thán thư tiếp tục phát sinh gây hại mạnh giai đoạn ra đọt non và gây hại nặng cục bộ những vườn chăm sóc kém.

8. Trên ca cao: Bọ xít muỗi, rệp sáp, sâu đục thân, bệnh thối quả, khô ngược cành, câu câu ăn lá, bộ gặm nhấm gây hại rải rác.

9. Trên cây mía: Sâu đục thân, sùng đục gốc, bệnh đốm lá, bệnh bạc trắng lá phát sinh chủ yếu giai đoạn mía đẻ nhánh - vươn lóng gây hại cục bộ những vùng ô dịch.

10. Trên cây cao su: Bệnh xì mủ thân cành, bệnh loét sọc miệng cạo, bệnh nấm hồng phát sinh gây hại rải rác.

11. Cây sầu riêng, Bơ, Thăng long: Bệnh nứt thân xì mủ, bệnh héo chết nhanh do *Phytophthora* trên cây sầu riêng, bệnh đốm nâu thanh long,... phát sinh gây hại tăng do điều kiện thời tiết mưa nhiều và ẩm độ cao.

12. Cây nhãn, vải: Bệnh chổi rồng nhãn, bọ xít nâu, sâu đo, bệnh thán thư, bệnh sương mai hại tăng.

13. Cây ăn quả có múi: Sâu đục quả; bệnh chảy gôm, bệnh vàng lá thối rữa, bệnh Greening,... tiếp tục phát sinh và gây hại.

14. Cây rừng trồng: Sâu đục thân, mối, bệnh đốm lá, chết héo, thán thư và các đối tượng sâu, bệnh hại khác gây hại rải rác.

IV. ĐỀ NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ VÀ CÁC CÔNG VIỆC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN Ở ĐỊA PHƯƠNG TRONG THÁNG TỚI:

Các trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tiếp tục theo dõi chặt chẽ tình hình sinh vật gây hại và phối hợp với các cơ quan, đơn vị chuyên môn cấp huyện, UBND cấp xã tuyên truyền hướng dẫn phòng chống các đối tượng sinh vật gây hại chính trên lúa, rau màu, cây công nghiệp.

Bổ trí cán bộ điều tra, tổng hợp báo cáo các đối tượng SVGH trên cây ăn quả như cây sầu riêng, cây chuối, cây chanh dây, cây nhãn, vải, xây dựng tuyến điều tra, tại các vùng đã, đang được cấp mã vùng trồng tại địa phương...

*** Trên lúa vụ Hè Thu 2022**

- Điều tra theo dõi, dự tính dự báo và hướng dẫn nông dân thường xuyên kiểm tra đồng ruộng, phát hiện sớm sâu bệnh như bọ trĩ, rầy nâu, ốc bươu vàng, sâu cuốn lá nhỏ sâu đục thân, bệnh đạo ôn lá, bệnh khô vằn,.....tiếp tục gây hại chủ yếu lúa giai đoạn đẻ nhánh - đồng trổ sớm ... có biện pháp xử lý kịp thời.

- Chuột: Gây hại cục bộ trên lúa Hè Thu giai đoạn đẻ nhánh - đồng trổ và Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 9864/CT-BNN-BVTV ngày 19/12/2018 của Bộ NN&PTNT về việc tăng cường công tác phòng, chống chuột bảo vệ sản xuất.

*** Cây ngô:** Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị 4962/BNN-BVTV ngày 15/7/2019 của Bộ trưởng về tăng cường chỉ đạo phòng chống sâu keo mùa thu hại ngô, giám sát phòng chống hiện tượng lùn xoắn lá ngô; Theo dõi chặt chẽ diễn biến của sâu keo mùa thu hại ngô. Tổ chức phun trừ cho những nơi có mật độ sâu cao, hướng dẫn nông dân chủ động phòng trừ sâu bằng các biện pháp ngắt ổ trứng đem tiêu hủy và phun các loại thuốc đúng nồng độ và liều lượng theo khuyến cáo, phun kép 2-3 lần, mỗi lần cách nhau từ 7-10 ngày.

*** Trên cà phê:** Tăng cường kiểm tra theo dõi sát diễn biến của rệp sáp hại cành và các đối tượng sâu, bệnh hại khác (rỉ sắt, nấm hồng, thối nứt thân, tuyến trùng, một đục cành, một đục quả...).

*** Trên cây tiêu:** Kiểm tra diễn biến bệnh chết nhanh, vàng lá chết chậm, tuyến trùng gây hại rễ và hướng dẫn người dân phòng trừ...

*** Trên cây sắn:** Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV ngày 06/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn, hướng dẫn xử lý triệt để phun trừ môi giới truyền bệnh, tiến hành nhổ bỏ và tiêu hủy những diện tích sắn bị nhiễm bệnh khảm lá sắn do virus, không sử dụng cây bị bệnh làm giống.

*** Trên cây sầu riêng:** Tăng cường hướng dẫn nông dân trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương áp dụng quy trình kỹ thuật trồng chăm sóc vườn cây, quy trình quản lý bệnh *Phytophthora* hại trên cây sầu riêng.

***Trên ca cao, điều, cao su:** Tiếp tục theo dõi các đối tượng như bệnh nấm hồng, loét sọc miệng cao trên cây cao su, bộ xít muỗi, bệnh thán thư hại điều.

*** Đối với rừng trồng:** Hướng dẫn các biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại cây rừng trồng cho các chủ rừng theo công văn hướng dẫn số 649/SNN-TTBVTV ngày 31/03/2017 của Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành. Theo dõi, nắm bắt tình hình và chỉ đạo phòng trừ kịp thời bệnh chết cây keo ở các vùng trồng keo.

*** Trên cây rau:** Ứng dụng biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp IPM vào phòng trừ và sản xuất rau theo quy trình an toàn, chương trình VietGap, sản xuất rau hữu cơ.

*** Cây trồng khác:** Hướng dẫn nông dân phòng trừ sâu bệnh trên cây ăn trái như: Bệnh chổi rồng hại nhãn, chôm chôm, bệnh đốm nâu thanh long, sâu bệnh hại cam quýt, xoài... theo quy trình phòng trừ của Cục BVTV đã ban hành. Đồng thời triển khai, phổ biến Quy trình quản lý tổng hợp bệnh héo vàng lá chuối theo Công văn số 173/TTBVTV-BVTV ngày 15/3/2021 của Chi cục Trồng trọt và BVTV.

- Đã triển khai ứng dụng của công nghệ, thiết bị iMetos trong dự báo, cảnh báo thời tiết, sâu bệnh dịch bệnh nhằm hỗ trợ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh. Công nghệ iMetos trong quan trắc, thu thập và cảnh báo sớm, phát đáp với các diễn biến bất thường của thời tiết tiểu vùng, cảnh báo, dự tính, dự báo sớm tới người nông dân, nhà quản lý, nhà chuyên môn và cho cộng đồng như: tính toán lịch gieo cấy, thu hoạch, cảnh báo sớm sâu bệnh cho cây trồng và gia súc, cảnh báo thiên tai, dự báo năng suất, thời điểm thu hoạch thuận lợi để đáp ứng được nhu cầu của ngành nông nghiệp, chính quyền địa phương, đặc biệt nhờ đó người nông dân có thể chủ động trước diễn biến phức tạp của thời tiết, góp phần giảm thiệt hại do thiên tai gây ra, nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp.

Củng cố hệ thống bẫy đèn, phần mềm PPDMS để phục vụ cho công tác Dự tính dự báo nhằm khuyến cáo, cảnh báo sâu, bệnh ngay từ đầu vụ để kịp thời chỉ đạo bảo vệ tốt sản xuất vụ Hè thu 2022./.

- Khuyến cáo nông dân sử dụng các loại thuốc sinh học, thuốc BVTV ít độc hại trên cây trồng đảm bảo thời gian cách ly và tuân thủ nguyên tắc “4 đúng” đúng thuốc, đúng nồng độ và liều lượng, đúng lúc, đúng cách trong sử dụng thuốc BVTV./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo CC (b/c);
- Trạm TTBVTV các huyện, Tx, Tp (T/h);
- Trang Web (CC.TTBVTV);
- Lưu VT- P.BVTV (G-25b).

**KT.CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Vũ Thị Thanh Bình

DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ, TỶ LỆ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ SINH VẬT GÂY HẠI CHÍNH

Từ ngày 16 tháng 07 đến hết ngày 15 tháng 08 năm 2022

Cây trồng	Tên SVGH	GDST	Mật độ/Tỷ lệ		Diện tích nhiễm (ha)				Mất trắng	Số kỳ trước	Số CKNT	DT P. trừ	Phân bố
			Phổ biến	Cao	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng					
										(+/-)	(+/-)		
Nhóm cây: Cây ăn quả													
Bơ	Bọ xít muỗi	Quả xanh-thu hoạch	5 - 10	16	2	0	0	2	0	0.0	-5.5	0	Krông Năng
Cây có múi	Sâu vẽ bùa	cac giai doan-		20 - 25	7	3	0	10	0	0.0	-4.0	5	Ea Kar
	Bệnh greening	kinh doanh-	10 - 15	24 - 30	3	2	0	5	0	0.5	-10.0	2	Ea Kar
Chanh leo	Bệnh đốm nâu	Hoa, quả xanh-các GD-	6 - 10	12 - 25	5.8	4	0	9.8	0	0.8	9.8	4	Ea Kar, TX Buôn Hồ
	Ruồi đục quả	qua xanh-	8	15 - 25	3	1	0	4	0	0.0	4.0	2	Ea Kar
Nhãn	Sâu đục quả	qua xanh	10	20	2	0.5	0	2.5	0	0.0	2.5	2	Ea Kar
Sầu riêng	Rầy bông (rầy phần, tua trắng)	các giai đoạn-chăm sóc, trái non, già.	4 - 15	10 - 25	31	6	0	37	0	3.0	22.5	30	Krông Búk, Krông Pắc, Ea Kar
	Bệnh đốm rong (Tảo)	quả non-Quả xanh-Các GD	3 - 4	6 - 20	8	2	0	10	0	-1.0	10.0	4	Krông Pắc, TX Buôn Hồ
	Bệnh thán thư	Quả non-Quả xanh-Các GD-	3 - 5	8 - 19	7	2	0	9	0	-2.0	3.0	4	Krông Pắc, TX Buôn Hồ
	Bệnh cháy lá, chết đọt	la non-	8 - 15	20 - 25	5	2.5	0	7.5	0	0.5	7.5	4	Ea Kar
	Sâu đục quả	qua xanh-	8	20 - 25	4	1	0	5	0	-5.0	5.0	4	Ea Kar
	Bệnh thối trái	qua xanh-	8	15 - 20	2.5	1	0	3.5	0	-0.5	1.5	3	Ea Kar
	Bệnh chảy gôm	quả xanh-KTCB-nuôi quả-thu hoạch	5 - 9	12	1.5	1	0	2.5	0	0.0	2.5	0	Krông Năng
Nhóm cây: Cây CN lâu năm													
Ca cao	Bọ xít muỗi	Cac giai doan-	8 - 10	20 - 25	2	2	0	4	0	-3.0	-21.0	2	Ea Kar
	Bệnh cháy lá	Cac giai ddoan-	8 - 15	20 - 30	2	2	0	4	0	-1.0	4.0	2	Ea Kar
Cà phê	Rệp sáp	chăm sóc, trái non	3 - 10	7 - 15	33	3	0	36	0	0.0	5.4	24	Krông Búk, TX Buôn Hồ, Lắk

	Bệnh gỉ sắt	quả non-chăm sóc, trái non-	3 - 15	6 - 26	24	7.5	0	31.5	0	0.0	-25.5	13	Ea Kar, Krông Búk, Krông Păk, TX Buôn Hồ
	Bệnh khô cành	quả non-chăm sóc, trái non-	2 - 10	4 - 25	21	9	0	30	0	1.5	4.5	17	Krông Búk, Ea Kar, Krông Păk, TX Buôn Hồ, Krông Năng, Cư Kuin
	Rệp vảy (xanh, nâu)	Các giai đoạn-Quả non-	4 - 10	10 - 25	9	7	0	16	0	0.0	-15.6	7	Krông Păk, TX Buôn Hồ
	Sâu đục thân mình hồng	Các giai đoạn-KTCB	8 - 10	20 - 25	8	6	0	14	0	0.0	14.0	5	Ea Kar
	Bệnh nấm hồng	chăm sóc, trái non-Quả non-	4 - 5	8 - 10	7	2	0	9	0	1.0	-10.3	6	Krông Búk, TX Buôn Hồ
	Bệnh đốm mắt cua	quả non-	5	24 - 27	3	3	0	6	0	-1.0	1.0	4	Krông Păk
	Mọt đục cành	Quả non-	3 - 5	5	4	1.5	0	5.5	0	2.0	-7.5	2	TX Buôn Hồ, Cư Kuin
	Bọ cánh cứng ăn lá cà phê	Quả non; KTCB	4 - 9	15 - 17	3	0	0	3	0	-1.0	3.0	0	Krông Năng
	Rụng quả cà phê	Quả non	5 - 7		3	0	0	3	0	0.0	3.0	0	Cư Kuin
Cao su	Bệnh đốm mắt chim	các giai đoạn	5 - 8	15	1.5	0	0	1.5	0	1.5	1.5	0	Krông Năng
Điều	Bệnh thán thư	Các giai đoạn	5 - 20	10 - 35	15	3	0	18	0	0.0	-3.0	12	Krông Búk, Ea Kar
	Bọ xít muỗi	thu hoạch, chăm sóc	5	10	9	0	0	9	0	-7.0	-7.0	8	Krông Búk
Hồ tiêu	Bệnh chết chậm	phan hoa man hoa-các giai đoạn sinh trưởng	2 - 15	6 - 35	86.4	30	13.9	130.3	0	7.0	40.3	8	Buôn Đôn, Cư M'gar, TX Buôn Hồ, Krông Păk, Ea Kar, Krông Búk, Krông Năng
	Bệnh chết nhanh	phan hoa man hoa-Các giai đoạn	2 - 6	4 - 13	46	12.5	8	66.5	0	5.3	42.5	6.5	Buôn Đôn, Krông Păk, TX Buôn Hồ, Ea Kar, Cư Kuin
	Bọ xít lười	ra hoa, trái non-	3 - 10	10 - 25	33	9	0	42	0	8.0	19.0	28	Krông Búk, Ea Kar, Krông Păk, Krông Năng, Cư Kuin
	Bệnh đốm tảo	Ra hoa	4 - 5	10 - 22	11	4	0	15	0	-1.0	-17.0	11	Krông Búk, Krông Păk, TX Buôn Hồ
	Bệnh nấm hồng	Kinh doanh-	10 - 20	30 - 35	8	6	0	14	0	2.0	14.0	5	Ea Kar
	Tuyến trùng	Hoa, quả non-	6	15	6	4	0	10	0	0.0	-3.0	0	TX Buôn Hồ
	Bệnh khảm lá VR (tiêu diên)	Quả non	3 - 5		3	0	0	3	0	3.0	-2.0	3	Cư Kuin

	Nhóm cây: Cây CN ngắn ngày												
Mía	Sâu đục thân	PTTL-	7 - 10	16 - 20	11	5	0	16	0	8.0	16.0	5	Ea Kar
	Bệnh phấn trắng	PTTL-	7 - 10	20	4	3	0	7	0	1.0	7.0	3	Ea Kar
Sắn (Mì)	Khảm lá virus	Phát triển thân lá, hình thành củ	1 - 40	5 - 90	55	5	8	68	0	15.0	-273.0	15	Ea Súp, Ea Kar, Krông Bông, TP Buôn Ma Thuột
	Đốm nâu	PTTL-	7 - 8	25	5	2	0	7	0	0.0	7.0	2	Ea Kar
	Nhóm cây: Cây lương thực khác												
Ngô (Bắp)	Sâu keo mùa thu	trở cờ, trái non-cay con, PTTL	2 - 15	4 - 35	12.5	2	0	14.5	0	0.0	-28.9	12.5	Krông Búk, Ea Kar, Ea Súp, Krông Bông
	Đốm lá nhỏ	trở cờ, phun râu, chín sũa-	1	3	2	1.5	0	3.5	0	0.0	-6.5	0	TX Buôn Hồ
	Nhóm cây: Lúa												
Lúa	Sâu cuốn lá nhỏ	Mạ-đẻ nhánh, làm đồng-làm đồng	3 - 20	8 - 28	14	7	0	21	0	0.0	-3.7	14	Ea Kar, Krông Păk, TX Buôn Hồ, Krông Bông
	Bệnh đạo ôn lá	Đẻ nhánh- phân hóa đồng	5 - 10	10 - 25	13	7	0	20	0	14.5	9.3	11	Ea Kar, Krông Păk, Lăk, Krông Bông
	Sâu đục thân (Dảnh héo)	đẻ nhánh, LĐ	8 - 10	20 - 25	14	4	0	18	0	2.0	7.7	15	Ea Kar
	Bệnh khô vằn	phân hóa đồng, trở bông	5 - 15	10 - 25	10.5	5	0	15.5	0	15.5	1.5	7.5	Ea Kar, Lăk
	Bệnh vàng lá, thối rễ lúa	đẻ nhánh-LĐ	8 - 10	25	8	5	0	13	0	13.0	13.0	5	Ea Kar
	Bệnh bạc lá (cháy bìa)	làm đồng, trở	5 - 30	10 - 15	4.3	6	0	10.3	0	4.3	-2.7	6	Ea Súp, Lăk
	Bọ trĩ (bù lạch)	Mạ-Đẻ nhánh	5 - 20	10 - 25	7	3	0	10	0	-4.5	-22.0	3.2	Ea Kar, TX Buôn Hồ, Krông Bông
	Chuột	cac giai đoạn	8	20	5	3	0	8	0	8.0	-32.0	0	Ea Kar
	Bệnh vàng lá chín sớm	Làm đồng-trở	4	13	3	3	0	6	0	6.0	6.0	5	Krông Păk
	Bệnh vàng lá VK (là bệnh Đốm sọc VK)	đẻ nhánh	8	20	5	0	0	5	0	0.0	5.0	0	Ea Kar
	Ngộ độc phèn	Đẻ nhánh	5 - 10		0.6	0	0	0.6	0	0.0	-2.4	0.6	Krông Bông

	Nhóm cây: Rau màu												
Hành tỏi	Bệnh đốm vòng	PTTL-	8	20 - 25	2	1	0	3	0	0.0	3.0	3	Ea Kar
	Bệnh cháy/thối lá	PTTL	8	20	2	0.8	0	2.8	0	2.8	2.8	1	Ea Kar
	Bệnh thối nhũn	PTTL-	10	20 - 25	1.8	0.5	0	2.3	0	-0.2	-2.7	1	Ea Kar
Ớt	Bệnh thán thư	qua non	10	25	2.5	1	0	3.5	0	-0.5	3.5	2	Ea Kar
	Bệnh khảm lá VR	Ra hoa	3 - 5		2	0	0	2	0	2.0	2.0	2	Cư Kuin
	Bệnh héo xanh VK				0	0	0	0	0	0.0	0.0	0	
Rau cải ăn lá	Bọ nhảy	Cây con	10 - 15		2	0	0	2	0	0.5	2.0	2	Cư Kuin
	Bệnh héo vàng	Cây con	7 - 10		1	0	0	1	0	1.0	1.0	1	Cư Kuin
	Bệnh héo xanh	Cây con	5 - 7		1	0	0	1	0	1.0	-4.0	1	Cư Kuin
Rau cải bắp	Dòi đục lá	PTTL	8	20	2	2	0	4	0	4.0	4.0	2	Ea Kar
	Bệnh thối nhũn	PTTL-	6 - 10	15 - 20	2.6	1	0	3.6	0	2.5	3.6	3	Ea Kar